

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 09/02/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Năm.
Ông Lê Xuân Thư.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với:

Bị cáo **Trần Văn D**; sinh năm 1997 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D và bà Vũ Thị T; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2017 đến ngày 11/01/2018 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1998. Có mặt.

Địa chỉ: xã Hoàng T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Ngô Minh C, sinh năm 1973.
Có mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được

tóm tắt như sau:

Khoảng 15^h45' ngày 09/12/2017 Trần Văn D đi bộ đến nhà bà Hoàng Thị M ở thôn N, xã T thấy cửa cổng khóa, không ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Do quen biết với anh Hoàng Văn H (con trai bà M) nên D biết nơi để chìa khóa nên đã luồn tay qua song sắt cửa cổng lấy chìa khóa mở cửa cổng đi vào trong nhà. Khi vào trong nhà D thấy chiếc xe mô tô Honda Wawe Alpha biển số 36B5-268..., nên vào nhà lục soát cạy cửa tủ lấy chìa khóa và giấy tờ xe mô tô, rồi ra cắm chìa khóa xe mô tô điều khiển ra bên ngoài khóa cửa lại, treo chìa khóa vào chỗ cũ và điều khiển xe đi đến cửa hàng xe máy của anh Ngô Minh C ở xã Đ, huyện H bán cho anh Công lấy 10.000.000 đồng. Đến 17^h cùng ngày bà M đi làm về phát hiện mất chiếc xe mô tô đã báo cơ quan Công an và Công an đã thông báo truy tìm vật chứng. Đến ngày 10/12/2017 anh Ngô Minh C đã đem giao nộp chiếc xe mô tô cùng giấy tờ xe đã mua của D cho Công an huyện Hoàng Hóa.

Theo báo cáo của bị hại anh Hoàng Văn H chiếc xe mô tô biển số 36B5-268... mua năm 2016, trị giá hiện tại khoảng 15.000.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 181/KL-HĐĐG ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hoàng Hóa chiếc xe mô tô biển số 36B5-268... trị giá 15.000.000 đồng. Cơ quan Công an đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Số tiền bán xe giữa D và anh C, gia đình D đã bồi thường, anh C không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 23 tháng 01 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa đã truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn D từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Quá trình điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô trả lại cho bị hại, gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền bán xe cho anh C 10.000.000 đồng, không ai có yêu cầu gì nên không xét. Số tiền 7.500.000 đồng được trả lại cho bị cáo và một chiếc kéo không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và xin Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và được cải tạo giáo dục tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lợi dụng sự quen biết giữa Trần Văn D và anh Hoàng Văn H, D biết nơi để chìa khóa cổng nhà bà M nên khoảng 15^h45' ngày 09/12/2017 D đi bộ đến nhà bà M thấy không ai ở nhà đã luồn tay qua song sắt cửa cổng lấy chìa khóa mở cửa cổng đi vào trong nhà. Khi vào trong nhà D lục soát cạy cửa tủ lấy chìa khóa và giấy tờ xe mô tô, rồi ra cầm chìa khóa xe mô tô Honda Wawe Alpha biển số 36B5-268..., điều khiển ra bên ngoài khóa cửa lại, treo chìa khóa vào chỗ cũ và điều khiển xe đi đến cửa hàng xe máy của anh Ngô Minh C ở xã Đ, huyện H bán cho anh C lấy 10.000.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 181/KL-HĐĐG ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hoằng Hóa chiếc xe mô tô biển số 36B5-268... trị giá 15.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Trần Văn D đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Thời điểm này xét xử sơ thẩm và Bộ luật Hình sự số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự năm 2015) đã có hiệu lực thi hành nhưng bị cáo phạm tội trước 0^h00' ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà theo quy định về tội “Trộm cắp tài sản” của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật

Hình sự năm 2015 không có thay đổi nên được áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

[3] *Xét tính chất của vụ án thì thấy*: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Với động cơ tư lợi muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác bị cáo lợi dụng chủ sở hữu vắng nhà đã chiếm đoạt tài sản, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tiền án, tiền sự không, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Do đó áp dụng các quy định của khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, căn cứ Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội mà cho cải tạo giáo dục tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về vật chứng*: Số tiền 7.500.000 đồng bị cáo đã nộp tại cơ quan Công an, đây là số tiền bị cáo bán xe cho anh C mà có. Nay chiếc xe mô tô đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, còn số tiền anh C mua xe của D gia đình bị cáo đã hoàn trả lại cho anh C đầy đủ và anh C không có yêu cầu gì nên số tiền 7.500.000 đồng được trả lại cho bị cáo. Một chiếc kéo bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

[6] *Về án phí*: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D **09 (Chín)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18 (Mười tám)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Trần Văn D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 33/BBGN ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa).

- Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Văn D số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/0000776 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn D chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa.
- Cơ quan THA hình sự huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THA dân sự huyện Hoằng Hóa.
- Bị cáo.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng